UBND P. ĐÔNG GIA NGHĨA
TRƯỜNG TH THĂNG LONG
Số: 01/CK-TL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đông Gia Nghĩa, ngày 16 tháng 01 năm 2026*

# CÔNG KHAI TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN HỌC KỲ I NĂM HỌC 2025-2026

Căn cứ Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường tiểu học Thăng Long, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng công khai trong trường học học kỳ I năm học 2025 - 2026 như sau:

## NỘI DUNG CÔNG KHAI

### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường tiểu học Thăng Long, Đông Gia Nghĩa, Lâm Đồng.

2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

Tổ 4, phường Đông Gia Nghĩa, tỉnh Lâm Đồng

Thư điện tử: truongtieuhocthanglong@gmail.com

Trang web: http://c1thanglong.pgdgianghia.edu.vn

3. **Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.**

Sứ mạng: Phát triển những giá trị cốt lõi 5 phẩm chất và 10 năng lực.

Tầm nhìn: Xây dựng trường tiểu học Thăng Long có uy tín về chất lượng giáo dục toàn diện, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời kỳ hội nhập; trường có chất lượng giáo dục cao nhất tỉnh; là nơi khơi nguồn những ý tưởng sáng tạo của tuổi thơ, nơi biến ước mơ của trẻ thơ thành hiện thực; đào tạo thế hệ trẻ sống có trách nhiệm yêu thương.

Mục tiêu: Xây dựng ngôi trường hạnh phúc lan tỏa yêu thương

4. **Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở Giáo dục**

Trường tiểu học Thăng Long trước đây là phân hiệu của trường Tiểu học Nguyễn Thị Minh Khai thuộc phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa. Năm 2009, trường được tách ra và mang tên trường tiểu học Thăng Long. Trường tiểu học Thăng Long được thành lập theo quyết định số: 315/QĐ-UBND thành phố Gia Nghĩa. Trường tọa lạc ở tổ dân phố 4 - phường Nghĩa Trung – thành phố Gia Nghĩa và trưởng thành, lớn mạnh cùng với sự phát triển của tỉnh nhà. Nay thuộc tổ 4 – Đông Gia Nghĩa – Lâm Đồng.

Sau hơn mười lăm năm thành lập, cơ sở vật chất của trường khang trang, sạch đẹp, có đủ cơ sở vật chất thiết yếu đảm bảo cho mục tiêu phát triển chất lượng giáo dục; tổng số cán bộ, giáo viên, nhân viên hiện nay là: 43 người ( 5 GV hợp đồng theo NDD), trong đó ban giám hiệu 02, giáo viên 37 (và nhân viên 04; trình độ đào tạo đều đạt chuẩn. Chi bộ nhà trường có 32 đảng viên sinh hoạt độc lập trực thuộc Đảng bộ phường Đông Gia Nghĩa. Tổng số học sinh hiện nay là 1016 em.

Nhà trường 3 năm liền đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc và được UBND tỉnh tặng Bằng khen.

5. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thu Huệ

Số điện thoại: 0908792797

Thư điện tử: huethanglong@gmail.com

6. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có): Quyết định số: số: 315/QĐ-UBND ngày 25/6/2009 của UBND thành phố Gia Nghĩa

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường: Quyết định số: 155/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của UBND phường Đông Gia Nghĩa tỉnh Lâm Đồng.

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, giám đốc, phó giám đốc hoặc thủ trưởng, phó thủ trưởng có sở giáo dục;

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng số: 209/QĐ-UBND ngày 25/08/2025 (cô Nguyễn Thị Thu Huệ)

Quyết định Phó Hiệu trưởng số: 155/QĐ-UBND ngày 25/08/2024 (cô Vũ Thị Huyền)

d/ Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Thông tư số: Số: 28/2020/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trưởng Tiểu học : Quyết định số 27/QĐ-TL V/v Ban hành Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của trường TH Thăng Long, năm học 2025 – 2026.

e) Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Quyết định số: 315/QĐ-UBND ngày 25/06/2009 của UBND thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đăk Nông.

f) Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

+ Hiệu trưởng: Nguyễn Thị Thu Huệ

Số điện thoại: 0908792797

Thư điện tử: huethanglong@gmail.com

+ Phó Hiệu trưởng: Vũ Thị Huyền

Số điện thoại: 0832952456

Thư điện tử: vuhuyenthanglong31@gmail.com

## II. Thu, chi tài chính

Có bảng công khai thu, chi tài chính kèm theo.

## III. Điều kiện bảo đảm chất lượng hoạt động giáo dục phổ thông

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

Cán bộ quản lý: 02

Giáo viên: 37 ( 05 GVHĐ theo NĐ 111 )

Nhân viên: 03

Nhân viên hỗ trợ phục vụ: 01

a) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

| STT | Tên vị trí việc làm | Tổng số | Trình độ đào tạo | | | | | | Hạng chức danh nghề nghiệp | | | Chuẩn nghề nghiệp | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | TS | ThS | ĐH | CĐ | TC | Dưới TC | Hạng IV | Hạng III | Hạng II | Tốt | Khá | Trung bình | Kém |
| | **Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên** | 43 | | | 36 | 5 | 1 | 1 | | | | | | | |
| **I** | **Vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên ngành** | 37 | | | 32 | 5 | - | | | 16 | 16 | 32 | | | |
| | Trong đó số giáo viên chuyên biệt: | 7 | | | 7 | | | | | 4 | 3 | | | | |
| 1 | Ngoại ngữ | 3 | | | 3 | | | | | 3 | | | | | |
| 2 | Âm nhạc | 1 | | | 1 | | | | | 1 | | | | | |
| 3 | Mỹ thuật | 1 | | | 1 | | | | | | 1 | | | | |
| 4 | Thể dục | 1 | | | 1 | | | | | | 1 | | | | |
| 5 | Tin học | 1 | | | 1 | | | | | | 1 | | | | |
| **II** | **Vị trí việc làm** | | | | | | | | | | | | | | |

| | | | | | | | | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | **viên chức lãnh đạo, quản lý** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Hiệu trưởng | 1 | | | 1 | | | | | | 1 | 1 | | | | |
| 2 | Phó hiệu trưởng | 1 | | | 1 | | | | | | 1 | 1 | | | | |
| **III** | **Vị trí việc làm viên chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Vị trí việc làm Văn thư – Thủ quỹ | 1 | | | 1 | | | | | | | | | | | |
| 2 | Vị trí việc làm kế toán | 1 | | | 1 | | | | | | | | | | | |
| 3 | Vị trí việc làm Thư viện – Thiết bị | 1 | | | | | 1 | | 1 | | | | | | | |
| **IV** | **Vị trí việc làm thuộc nhóm hỗ trợ phục vụ** | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | Bảo vệ | 1 | | | | | | 1 | | | | | | | | |

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định;

- Cán bộ quản lý 02, đạt chuẩn 100%.
- Giáo viên 37, đạt chuẩn 100%.

2. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường 9866m$^2$, Khuôn viên nhà trường được xây dựng ở môi trường yên tĩnh, an toàn khi học sinh đến trường. Trong những năm qua, nhà trường đã trồng và thường xuyên chăm sóc cây xanh che bóng mát cũng như các loại hoa kiểng. Đến nay, trong khuôn viên trường đã xanh – sạch – đẹp – an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh. Trường có cổng trường, biển tên trường, đảm bảo yêu cầu an toàn, thẩm mỹ, có tường rào bảo vệ khép kín cao 2m đảm bảo an toàn. Cổng chính của trường được xây dựng kiên cố, rộng rãi, cao ráo bảo đảm an toàn cho các bậc phụ huynh đưa đón học sinh, kể cả trong giờ cao điểm. Điểm trường 01;

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khối phụ trợ; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định

| STT | Nội dung | Số lượng | Bình quân |
|---|---|---|---|

| | | | |
|---|---|---|---|
| **I** | **Số phòng học/số lớp** | 26/25 | Số $m^2$/học sinh |
| **II** | **Loại phòng học** | | - |
| 1 | Phòng học kiên cố | 26 | - |
| 2 | Phòng học bán kiên cố | - | - |
| 3 | Phòng học tạm | - | - |
| 4 | Phòng học nhờ, mượn | - | - |
| **III** | **Số điểm trường lẻ** | - | - |
| **IV** | **Tổng diện tích đất** ($m^2$) | 9866 $m^2$ | 9,3 $m^2$ /học sinh |
| **V** | **Diện tích sân chơi, bãi tập** ($m^2$) | 2000 $m^2$ | 1,9 $m^2$ /học sinh |
| **VI** | **Tổng diện tích các phòng** | | |
| 1 | Diện tích phòng học ($m^2$) | 1.114 $m^2$ | 1,05 $m^2$ /học sinh |
| 2 | Diện tích thư viện ($m^2$) | 40 $m^2$ | |
| 3 | *Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng ($m^2$)* | - | - |
| 4 | *Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật ($m^2$)* | - | - |
| 5 | *Diện tích phòng ngoại ngữ ($m^2$)* | - | - |
| 6 | *Diện tích phòng học tin học ($m^2$)* | 50 $m^2$ | 1,19 $m^2$ /học sinh |
| 7 | *Diện tích phòng thiết bị giáo dục ($m^2$)* | 40 $m^2$ | 0,95 $m^2$ /học sinh |
| 8 | *Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập ($m^2$)* | | |
| 9 | *Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội ($m^2$)* | 20 $m^2$ | |
| **VII** | **Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ) | | Số bộ/lớp |
| 1 | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định | | |
| 1.1 | Khối lớp 1 | 5 | 1/1 |
| 1.2 | Khối lớp 2 | 5 | 1/1 |
| 1.3 | Khối lớp 3 | - | - |
| 1.4 | Khối lớp 4 | - | - |
| 1.5 | Khối lớp 5 | - | - |
| 2 | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định | | |
| 2.1 | Khối lớp 1 | không | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 2.2 | Khối lớp 2 | không | |
| 2.3 | Khối lớp 3 | 5 | |
| 2.4 | Khối lớp 4 | 5 | |
| 2.5 | Khối lớp 5 | 5 | |
| **VIII** | **Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ) | 20 | 2 học sinh/bộ |
| **IX** | **Tổng số thiết bị dùng chung khác** | | |
| 1 | Ti vi | 25 | |
| 2 | Cát xét | 01 | |
| 3 | Đầu Video/đầu đĩa | - | |
| 4 | Máy chiếu OverHead/projector/vật thể | 05 | |
| 5 | Thiết bị khác...( máy tính xách tay) | 02 | |
| 6 | Tranh, ảnh phục vụ học tập | 186 | |

a)

| | Nội dung | Số lượng($m^2$) |
|---|---|---|
| X | Nhà bếp | 205 $m^2$ |
| XI | Nhà ăn | |

b)

| | Nội dung | Số lượng phòng, tổng diện tích ($m^2$) | Số chỗ | Diện tích bình quân/chỗ |
|---|---|---|---|---|
| XII | Phòng nghỉ cho học sinh bán trú | - | - | - |
| XIII | Khu nội trú | - | - | - |

c)

| **XIV** | **Nhà vệ sinh** | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh | | Số $m^2$/học sinh | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Chung | Nam/Nữ | Chung | Nam/Nữ |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh* | 2 | | 1/1 | | |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh* | - | | - | | |

*(*Theo Thông tư số Thông tư số: Số: 28/2020/TT-BGDĐT, ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trưởng Tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).*

| | Nội dung | Có | Không |
|---|---|---|---|
| XV | Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh | x | |
| XVI | Nguồn điện (lưới, phát điện riêng) | x | |
| XVII | Kết nối internet | x | |
| XVIII | Trang thông tin điện tử (website) của trường | x | |
| XIX | Tường rào xây | x | |

d) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

Phòng vi tính 1/20 máy tính còn sử dụng được;

Ti vi (thay máy chiếu) có kết nối Internet

Đảm bảo đủ điều kiện học tập

e) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Khối 1,2,3,4,5 thực hiện Chương trình phổ thông 2018.

3. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1

## IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1) Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia:

Nhà trường tiếp tục duy trì tốt các tiêu chí về Mức chất lượng tối thiểu, đạt chuẩn quốc gia; Năm học 2023 – 2024 nhà trường đã được UBND tỉnh công nhận lại trường chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh Đăk Nông và Trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 2 theo Quyết định số 478/QĐ-SGD&ĐT ngày 24/4/2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Đăk Nông.

2) Kiểm định cơ sở giáo dục:

Nhà trường đã ra Quyết định thành lập Hội đồng, xây dựng kế hoạch kiểm định chất lượng giáo dục và báo cáo tự đánh giá hàng năm kịp thời đúng quy định.

## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

Năm học 2025-2026, nhà trường tiếp tục phát huy các điểm mạnh, các quy định về chuyên môn của nhà trường, thường xuyên tổ chức các chuyên đề nâng cao chất lượng, tăng cường công tác dự giờ, đổi mới sinh hoạt chuyên môn tạo điều kiện giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn do ngành tổ chức giao lưu; nâng cao chất lượng các câu lạc bộ năng khiếu để các phong trào, hội thi đạt hiệu quả cao hơn. Bên cạnh đó, đơn vị chủ động, linh hoạt để thực hiện các biện pháp rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh

Thống kê chất lượng giáo dục cuối HKI năm học 2025-2026

*** Kết quả tham gia các Hội thi, hoạt động phong trào.**

**+ Cấp trường:**

- Thi soạn giảng ứng dụng CN thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) trong thiết kế bài dạy điện tử 12 tiết kết quả: 1 Nhất (khối 3); 1 Nhì (tổ bộ môn); 4 giải Ba ( tổ

1;2;4;5), còn tiết công nhận.

- Thi trang trí lớp học " Xanh- Sạch – Đẹp – An toàn" Các lớp đạt gồm có 15 lớp ( 1a4;1a3;1a1;4a4;2a4;5a3;4a3;5a4;2a1;3a4;3a2;5a2;1a5;1a2)

- Thi Tiếng Anh (IOE) cấp trường: Gồm có 118 em thi (Đạt số điểm từ 633 – 1800 điểm) Có em học sinh lớp 1a4 thi vượt lớp CT lớp 2.

- Thi Toán internet cấp trường: Gồm có 120 em thi, Công nhận đạt thi cấp Cụm 78 em.

- Thi TV Trạng Nguyên cấp trường: Gồm có 78 em tham gia thi.

**b. Hội thi cấp phường/tỉnh.**

- Cuộc thi " Những kỷ niệm sâu sắc về thầy cô và mái trường" năm 2025: 1 bài viết của giáo viên ( Chờ kết quả).

- Cuộc thi tìm hiểu ý tưởng sáng tạo mô hình ứng dụng Đề án 06 thúc đẩy chuyển đổi số, cải cách hành chính. 02 (GV 1 bài cá nhân, 1 bài tập thể) – Chờ kết quả.

- Hội thi vẽ tranh thiếu nhi tỉnh Lâm Đồng năm 2025" Thiếu nhi Lâm Đồng nối vòng tay lớn" và "Đoàn trong mắt em" 2 giải Nhất, 3 giải Nhì.

- Cuộc thi vẽ tranh Quốc tế Toyota " Chiếc ô tô mơ ước" năm học 2025-2026 (Sơ khảo 12 bài – 1 em vào Vòng chung kết)

- Cuộc thi vẽ tranh " Đan mạch trong măt em": 527 bài dự thi (Chờ kết quả)

- Liên hoan tiếng hát thiếu nhi các dân tộc năm 2025 do Đoàn tỉnh LĐ tổ chức ( Đạt giải Nhì)

- Cuộc thi Toán Violimpic cấp phường: 55 em Đạt thi cấp tỉnh

- Cuộc thi tiếng anh (IOE) cấp phường:

- Cuộc thi TVTN cấp phường: 25 em đạt thi cấp tỉnh.

- Hội thi gia lưu Múa – Hát sân trường do SGD&ĐT tổ chức: Đạt Giải A

- Cuộc thi hoạt động giáo dục kiến thức pháp luật về trật tự ATGT năm 2025-2026 (1 bài Gv; 1baif Hs Đạt cấp tỉnh – dự thi cấp Quốc Gia ( chờ kết quả)

- Hội thi "Vận dụng chiến lược 6C trong dạy học môn Giáo dục thể chất cấp tiểu học". (Gv tham gia thi 1 video 33-37p; 1 video 4p. (chờ kết quả)

*** Tham gia bồi dưỡng /Tập huấn các cấp.**

- Đã tham gia bồi dưỡng, tập huấn các cấp gồm có: 10 lượt **(Có kết quả, minh chứng kèm theo)**

*** Tham gia các Cuộc thi trực tuyến.**

- Đã tham gia các cuộc thi trực tuyến gồm có: 9 lượt (Có kết quả, minh chứng kèm theo)

**e. Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp/ Sinh hoạt dưới cờ.**

kèm theo)

** Thống kê chất lượng học sinh cuối HKI- 2025-2026; Tổng 1019 em – 5 em khuyết tật( biểu mẫu chi tiết kèm theo)*

| | TV | Toán | KH 4;5 | LS& ĐL 4;5 | T.A 3;4;5 | TH 3;4;5 | CN 3;4;5 | ĐĐ | TN& XH 1;2;3 | HĐTN | ÂN | MT | GDTC |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| Kết quả học tập | 1019 | 1019 | 408 | 408 | 625 | 625 | 625 | 1019 | 611 | 1019 | 1019 | 1019 | 1019 |
| HTT | 648 | 685 | 283 | 269 | 430 | 342 | 450 | 770 | 426 | 761 | 606 | 582 | 652 |
| HT | 362 | 323 | 125 | 137 | 189 | 282 | 174 | 247 | 182 | 257 | 402 | 429 | 367 |
| CHT | 9 | 11 | 0 | 2 | 6 | 1 | 1 | 2 | 3 | 1 | 11 | 8 | 0 |

***- Năng lực, phẩm chất:***

| TS | PHẨM CHẤT | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | Yêu nước | Nhân ái | Chăm chỉ | Trung thực | Trách nhiệm |
| TSHS | 1019 | 1019 | 1019 | 1019 | 1019 |
| Tốt | 963 | 951 | 700 | 904 | 761 |
| Đạt | 56 | 68 | 310 | 112 | 251 |
| CCG | 0 | 0 | 9 | 3 | 7 |

| | NĂNG LỰC CHUNG | | | NĂNG LỰC ĐẶC THÙ | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Tự chủ và tự học | Giao tiếp và hợp tác | GQVĐ và sáng tạo | Ngôn ngữ | Tính toán | Khoa học | Thẩm mỹ | GDTC | Tin học 3;4;5 | Công nghệ 3;4;5 |
| TSHS | 1019 | 1019 | 1019 | 1019 | 1019 | 1019 | 1019 | 1019 | 625 | 625 |
| Tốt | 734 | 779 | 661 | 673 | 697 | 728 | 566 | 664 | 353 | 466 |
| Đạt | 275 | 236 | 345 | 335 | 311 | 287 | 444 | 355 | 271 | 158 |
| CCG | 10 | 4 | 13 | 11 | 11 | 4 | 9 | 0 | 1 | 1 |

## VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

Thực hiện quy chế công khai tài chính theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số

09/2024/TT-BGDĐT ngày 19/7/2024 của Bộ GD&ĐT Quy định công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống quốc dân

Trường TH Thăng Long công khai tài chính gồm:

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước năm 2025- 2026 ( trong cuộc họp phụ huynh cuối HKI).

- Thông báo công khai quyết toán thu chi nguồn NSNN năm 2025. ( đã đăng tải trang Wed, zalo trường).

- Thông báo công khai danh sách học sinh được hỗ trợ chi phí học tập đối với học sinh thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2025-2026 ( đã đăng tải trang Wed, zalo trường).

## VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học trong phòng, chống dịch bệnh, thực hiện mục tiêu kiên trì và nâng cao chất lượng giáo dục.

Nhà trường chủ động công tác giám sát, theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh trên địa bàn; chuẩn bị sẵn sàng ứng phó với các tình huống có thể xảy ra của dịch bệnh. Tăng cường triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh tại trường học. Chú trọng công tác vệ sinh môi trường trong và ngoài lớp học. 100% học sinh thực hiện rửa tay bằng xà phòng sau khi đi vệ sinh. Khám sức khỏe định kỳ, sơ, cấp cứu ban đầu cho trẻ bị tai nạn thương tích, bị cảm sốt, đau đầu, đau bụng…chỉ đạo Giáo viên, nhân viên nhà trường thường xuyên tổ chức tổng vệ sinh môi trường, thu gom rác thải đảm bảo khung cảnh nhà trường xanh - sạch - đẹp; đảm bảo an toàn tuyệt đối về sức khỏe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, học viên, vừa hoàn thành tốt nhiệm vụ năm học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

**2. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá**

**a) Thực hiện linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học:**

- 100% giáo viên thực hiện giảng dạy đổi mới phương pháp dạy học theo hướng phát huy phẩm chất, năng lực người học, sử dụng các kỹ thuật, phương pháp dạy học tích cực (bàn tay nặn bột, dạy học Stem, …) phù hợp với từng môn học, lớp học, tránh hình thức. Vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giờ dạy. Khuyến khích giáo viên vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp, kĩ thuật dạy học tích cực như dạy học theo dự án, sơ đồ tư duy, bể cá, KWL…vào dạy học để nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục.

Đổi mới tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn trong trường; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học.

**b) Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức mới đánh giá**

Thực hiện đánh giá theo đúng Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GDĐT.

Giáo viên sử dụng linh hoạt, phù hợp các phương pháp đánh giá, thông qua lời nói chỉ ra cho học sinh biết được chỗ đúng, chưa đúng và cách sửa chữa; viết nhận

xét vào vở hoặc sản phẩm học tập của học sinh khi cần thiết, có biện pháp cụ thể giúp đỡ kịp thời, kịp thời phát hiện những cố gắng, tiến bộ của học sinh nhằm động viên, khích lệ và phát hiện những khó khăn chưa thể tự vượt qua của học sinh để hướng dẫn, giúp đỡ nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động học tập, rèn luyện của học sinh;

Coi trọng việc động viên, khuyến khích sự cố gắng trong học tập, rèn luyện của học sinh; giúp học sinh phát huy nhiều nhất khả năng, năng lực; đảm bảo kịp thời, công bằng, khách quan; không so sánh học sinh này với học sinh khác, không tạo áp lực cho học sinh, giáo viên và cha mẹ học sinh.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lí kết quả giáo dục và học tập của học sinh để giảm áp lực về hồ sơ, sổ sách, dành nhiều thời gian cho giáo viên quan tâm đến học sinh và đổi mới phương pháp dạy học.

**3. Công tác duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học**

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến cho đội ngũ tầm quan trọng của công tác phổ cập giáo dục nói chung và Phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi trong nhà trường nói riêng.

Thực hiện tốt công tác huy động và tuyển sinh, đây là một nhiệm vụ trọng tâm của công tác giáo dục. Hàng năm các trường luôn quan tâm tới công tác huy động học sinh trong độ tuổi ra lớp, vận động trẻ khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn tuyển sinh đến trường. Năm học 2025-2026, nhà trường huy động 100% học sinh trong độ tuổi ra lớp kể cả học sinh khuyết tật.

Chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm có nhiều biện pháp tốt trong công tác chủ nhiệm đặc biệt là duy tốt số lượng của lớp mình phụ trách để hạn chế tối đa học sinh bỏ học giữa chừng trong độ tuổi đến trường.

Để duy trì và nâng cao chất lượng PCGD tiểu học các trường còn chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, trình độ giáo viên. Bố trí và sử dụng đội ngũ giáo viên phù hợp với chuyên môn và sở trường cũng như điều kiện gia đình của giáo viên để họ an tâm công tác thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Động viên và tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên của trường tham gia tự học các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ để nâng cao chất lượng dạy học, qua đó duy trì và nâng cao chất lượng PCGD tiểu học.

**4. Công tác truyền thông về giáo dục và Chương trình giáo dục phổ thông 2018**

Công tác tuyên truyền đã được nhà trường tích cực, chủ động thực hiện thông qua nhiều kênh, như: phối hợp với giáo viên chủ nhiệm làm tốt công tác tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa của CTGDPT 2018, nội dung của chương trình SGK mới đến các em học sinh và phụ huynh; triển khai các nội dung quan trọng, vấn đề cốt yếu của chương trình tại các cuộc họp giao ban mở rộng của Đảng ủy phường để lãnh đạo và các trưởng ban, ngành, đoàn thể, các đồng chí là bí thư chi bộ, tổ trưởng tổ dân phố nắm bắt, phối hợp tuyên truyền… đại đa số người dân, phụ huynh đều tin tưởng, đồng thuận ủng hộ nhà trường triển khai thực hiện chương trình và dạy SGK mới.

Đội ngũ nhà giáo, CBQL quan tâm viết bài và đưa tin về các hoạt động của trường, của Ngành về việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, những gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học… để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng thu hút sự quan tâm, ủng hộ trong cha mẹ học sinh.

**Nơi nhận:**

Trang wed
Bảng tin
Lưu: Vt

**HIỆU TRƯỞNG**

U.B.N.D PHƯỜNG ĐỒNG GIA NGHĨA T. LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC THĂNG LONG

**Nguyễn Thị Thu Huệ**